

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế,
chính sách tín dụng ưu đãi vốn đầu tư công ủy thác
qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau

Theo đề nghị của Sở Tài chính tại Công văn số 6860/STC-NS ngày 19 tháng 12 năm 2025 về việc thẩm định dự thảo văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân tỉnh liên quan đến cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi từ vốn đầu tư công ủy thác qua chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau. Sau khi nghiên cứu dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn đầu tư công ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau và các tài liệu có liên quan, Sở Tư pháp có ý kiến như sau:

1. Sự cần thiết ban hành văn bản

Tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, quy định: “Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định cơ chế, chính sách cụ thể và bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách này. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện ủy thác vốn ngân sách địa phương để thực hiện chính sách ưu đãi theo quyết định của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh”.

Thực hiện Nghị quyết số 36/NQ-HĐND ngày 18 tháng 12 năm 2025 của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh về việc ban hành Danh mục nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chi tiết Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và Nghị định số 241/2025/NĐ-CP ngày 10 tháng 9 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 33/2022/NĐ-CP ngày 27 tháng 5 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Pháp lệnh Quản lý thị trường; ý kiến của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh tại Công văn số 09947/UBND-NC ngày 20 tháng 12 năm 2025 về việc xây dựng dự thảo các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh. Sở Tư pháp nhận thấy việc Sở Tài chính tham mưu xây dựng dự thảo trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn đầu tư công ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau là cần thiết, phù hợp với nhiệm vụ được giao.

2. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng của dự thảo Nghị quyết

Dự thảo Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn đầu tư công ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau (dự thảo

Nghị quyết) đã thể hiện rõ phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng, phù hợp với nội dung cụ thể của văn bản và các quy định có liên quan.

3. Sự phù hợp của nội dung dự thảo Nghị quyết với đường lối, chủ trương của Đảng

Qua xem xét nội dung của dự thảo Nghị quyết, đối chiếu với các chủ trương, đường lối của Đảng, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đảm bảo phù hợp với đường lối, chủ trương của Đảng.

4. Tính hợp hiến, tính hợp pháp và tính thống nhất với hệ thống pháp luật của dự thảo Nghị quyết

a) *Về tính hợp Hiến, hợp pháp:* Đối chiếu nội dung của dự thảo Nghị quyết với các quy định của pháp luật có liên quan, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết là văn bản quy phạm pháp luật, thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh, đảm bảo tính hợp Hiến, hợp pháp.

b) *Về tính thống nhất của hệ thống pháp luật:* Dự thảo Nghị quyết được xây dựng trên cơ sở quy định của hệ thống pháp luật, gồm các căn cứ: “*Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15; Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật số 64/2025/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 87/2025/QH15; Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15; Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15; Luật Việc làm số 74/2025/QH15; Luật Nhà ở số 27/2023/QH15; Nghị quyết số 111/2024/QH15 ngày 18/01/2024 của Quốc hội về một số cơ chế, chính sách đặc thù thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia; Nghị định số 61/2015/NĐ-CP ngày 09 tháng 7 năm 2015 của Chính phủ quy định về chính sách hỗ trợ tạo việc làm và Quỹ quốc gia về việc làm được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 74/2019/NĐ-CP; Nghị định số 78/2002/NĐ-CP ngày 04 tháng 10 năm 2002 của Chính phủ về tín dụng đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP ngày 26/4/2022 của Chính phủ về chính sách tín dụng ưu đãi thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế- xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn từ năm 2021 đến năm 2030, giai đoạn 1: từ năm 2021 đến năm 2025; Nghị định số 100/2024/NĐ-CP ngày 26 tháng 7 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Nhà ở về phát triển và quản lý nhà ở xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 261/2025/NĐ-CP; Quyết định số 157/2007/QĐ-TTg ngày 27 tháng 9 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 05/2022/QĐ-TTg; Quyết định số 50/2010/QĐ-TTg ngày 28 tháng 7 năm 2010 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành cơ chế xử lý nợ bị rủi ro tại Ngân hàng Chính sách xã hội, được sửa đổi, bổ sung bởi Quyết định số 08/2021/QĐ-TTg; Quyết định số 22/2023/QĐ-TTg ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với người chấp hành xong án phạt tù; Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng thực hiện cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn; Quyết định số 29/2025/QĐ-TTg ngày 28 tháng 8 năm 2025 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng đối với học sinh, sinh viên, học viên thạc sỹ, nghiên*

cứu sinh học các ngành khoa học, công nghệ, kỹ thuật và toán; Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 84/2025/TT-BTC”.

Đối chiếu các căn cứ nêu trên, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo Nghị quyết đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật. Tuy nhiên, cần bổ sung căn cứ “*Nghị định số 85/2025/NĐ-CP ngày 08 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư công*”.

5. Nguồn tài chính, nguồn lực bảo đảm thi hành Nghị quyết

Qua xem xét nội dung đề nghị của cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết và Tờ trình, trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh xem xét, ban hành. Sở Tư pháp nhận thấy cơ quan chủ trì xây dựng dự thảo Nghị quyết đã dự kiến cụ thể nguồn lực đảm bảo việc thi hành sau khi Nghị quyết được ban hành.

6. Ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày và trình tự thủ tục soạn thảo văn bản

- Về ngôn ngữ, thể thức, kỹ thuật trình bày: Cơ quan chủ trì soạn thảo rà soát, hoàn chỉnh theo quy định tại Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật.

- Về trình tự, thủ tục soạn thảo văn bản: Dự thảo Nghị quyết được cơ quan chủ trì soạn thảo xây dựng dự thảo, gửi thẩm định theo quy định, đảm bảo thực hiện đúng trình tự, thủ tục và hồ sơ xây dựng văn bản theo quy định.

7. Ý kiến của Cơ quan thẩm định

Để dự thảo Nghị quyết được ban hành chặt chẽ, đảm bảo tính thống nhất, khả thi, đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo tiếp tục nghiên cứu, làm rõ một số nội dung trước khi trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, cụ thể như sau:

*** Đối với dự thảo Nghị quyết**

- Về Tên dự thảo: Đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại cụm từ “**vốn đầu tư công**” điều chỉnh cho chặt chẽ, thống nhất theo quy định tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và Nghị quyết số 36/NQ-HĐND của Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh.

- Về căn cứ ban hành văn bản:

+ Đề nghị rà soát, thực hiện đúng theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Căn cứ ban hành văn bản bao gồm văn bản quy phạm pháp luật quy định thẩm quyền, chức năng của cơ quan ban hành văn bản đó và văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn quy định nội dung, cơ sở để ban hành văn bản*”.

+ Đối với các căn cứ văn bản đã được sửa đổi, bổ sung, đề nghị rà soát, điều chỉnh thống nhất cách trình bày. Có thể điều chỉnh theo hướng: Đối với căn cứ văn bản là luật ghi thêm sau số, ký hiệu của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu của văn bản sửa đổi, bổ sung; Đối với căn cứ văn bản khác ghi thêm sau tên gọi của văn bản cụm từ “được sửa đổi, bổ sung bởi” và tên loại văn bản, số, ký hiệu văn bản.

+ Tại căn cứ thứ 4, thứ 7 (*Luật Ngân sách nhà nước số 89/2025/QH15 và “Luật Việc làm số 74/2025/QH15*): Đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát về hiệu lực thi hành để đảm bảo phù hợp theo quy định tại Điều 62 Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật “*Căn cứ ban hành văn bản là văn bản quy phạm pháp luật có hiệu lực pháp lý cao hơn đang có hiệu lực hoặc đã được công bố hoặc đã được ký ban hành chưa có hiệu lực nhưng phải có hiệu lực trước hoặc cùng thời điểm với văn bản được ban hành*”.

+ Tại căn cứ thứ 10, thứ 12 (*Nghị định số 61/2015/NĐ-CP; Nghị định số 28/2022/NĐ-CP*): Đề nghị rà soát, cập nhật cho chính xác tên gọi của văn bản.

+ Tại căn cứ thứ 17 (*Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg*): Đề nghị điều chỉnh cụm từ “ngày 15/7/2024” thành “ngày 15 tháng 7 năm 2024” cho thống nhất.

+ Tại căn cứ thứ 19 (*Thông tư số 11/2017/TT-BTC*): Đề nghị bổ sung cụm từ “Bộ trưởng” vào trước cụm từ “Bộ Tài chính”.

- Tại Điều 1: Đề nghị cơ quan chủ trì soạn thảo xác định rõ nội hàm “quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi...” để quy định cho chặt chẽ, thống nhất với nội dung được giao tại khoản 7 Điều 5 Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15 và nội dung quy định cụ thể của dự thảo Nghị quyết này; làm rõ nội dung được giao và các nội dung khác để xây dựng cho phù hợp. Đồng thời, sắp xếp nội dung theo khoản cho rõ.

- Điều 2:

+ Tại tên Điều: Đề nghị bỏ dấu “:” vì thừa.

+ Đề nghị rà soát, điều chỉnh đối tượng áp dụng cho phù hợp, tương xứng với phạm vi điều chỉnh tại Điều 1. Cần nhắc cân nhắc điều chỉnh đối tượng áp dụng theo từng nhóm thành các khoản, theo hướng: (1) Cơ quan quản lý nhà nước, (2) Đối tượng chịu tác động trực tiếp,... (3) Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan cho chặt chẽ.

+ Đề nghị rà soát, xem lại cụm từ “vốn đầu tư công” để điều chỉnh cho chính xác; Xem lại cụm từ “theo quy định hiện hành của Trung ương” điều chỉnh cho rõ; xem lại cụm từ “để cho vay đối với người nghèo, các đối tượng chính sách khác” điều chỉnh đảm bảo thống nhất với phạm vi điều chỉnh.

- Điều 3:

+ Đề nghị rà soát, điều chỉnh thực hiện kỹ thuật viển dẫn cho phù hợp theo quy định tại khoản 38 Điều 1 Nghị định số 187/2025/NĐ-CP; Đồng thời, xem lại cụm từ “Cho vay” chưa thống nhất với Tên Điều; rà soát đầy đủ các đối tượng được hưởng chính sách theo quy định hiện hành của cấp trên và các đối tượng được hưởng chính sách theo quy định đặc thù của tỉnh đảm bảo phù hợp với điều kiện thực tế của tỉnh và khả năng cân đối ngân sách của địa phương.

+ Tại khoản 5: Tại Điều 4 Quyết định số 10/2024/QĐ-TTg ngày 15 tháng 7 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về tín dụng cấp nước sạch và vệ sinh môi trường nông thôn quy định “*Đối tượng vay vốn: **Hộ gia đình cư trú tại vùng nông thôn nơi đăng ký thường trú hoặc tạm trú***” (**không bao gồm** địa bàn phường thuộc thị xã, quận và thành phố), do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo xem lại cụm từ “**bao gồm** các Phường trên địa bàn tỉnh Cà Mau”, điều chỉnh cho phù hợp.

+ Tại khoản 7: Đề nghị cơ quan soạn thảo viển dẫn cụ thể các văn bản cho dễ áp dụng, đồng thời, giải trình rõ quy định về điều kiện cho vay đối với các đối tượng này để trình cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định.

- Tại Điều 4:

+ Đề nghị xem lại cụm từ “Điều 2” để điều chỉnh việc viển dẫn cho phù hợp, vì Điều 2 không có những nội dung này.

+ Đề nghị cơ quan soạn thảo giải trình rõ cơ sở quy định nội dung này để cơ quan có thẩm quyền xem xét, quyết định. Đối với nội dung quy định về “đối tượng cho vay”, “mức cho vay”, “thời hạn cho vay”, “lãi suất cho vay” từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh đã được quy định tại Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chính sách hỗ trợ, cho vay đối với các hộ Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau và đối tượng xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau và Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND ngày 07 tháng 8 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Cà Mau ban hành Quy chế quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh Cà Mau, các văn bản này hiện nay đang còn hiệu lực thi hành. Do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đề xuất hướng xử lý cho đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật, tránh chồng chéo trong quá trình áp dụng.

- Tại Điều 5: Đề nghị rà soát nội dung quy định tại khoản 8 Điều 5 Thông tư số 11/2017/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định về quản lý và sử dụng nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân

hàng Chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 84/2025/TT-BTC để điều chỉnh cho chặt chẽ, đúng thẩm quyền. Đồng thời, đối với nội dung quy định về “Xử lý nợ bị rủi ro” cho vay từ nguồn vốn ngân sách địa phương ủy thác qua Ngân hàng chính sách xã hội để cho vay đối với người nghèo và các đối tượng chính sách khác trên địa bàn tỉnh đang được quy định tại Quyết định số 12/2020/QĐ-UBND và văn bản này đang còn hiệu lực, do đó, đề nghị cơ quan soạn thảo rà soát, đề xuất hướng xử lý cho đảm bảo tính thống nhất của hệ thống pháp luật.

- Điều 6: Đề nghị xem lại cụm từ “Vốn đầu tư công” điều chỉnh cho thống nhất.

- Tại Tên Điều 7: Đề nghị bỏ cụm từ “Trách nhiệm”, vì thừa, không cần thiết.

- Điều 8: Đề nghị rà soát, bổ sung nội dung xử lý các văn bản có liên quan đã ban hành trước đây của tỉnh Cà Mau (cũ) và tỉnh Bạc Liêu (cũ) để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong hệ thống pháp luật của tỉnh. Trong đó, có Nghị quyết số 21/2019/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Cà Mau về chính sách hỗ trợ, cho vay đối với các hộ Làng nghề thuộc Công viên Văn hóa - Du lịch Mũi Cà Mau và đối tượng xuất khẩu lao động trên địa bàn tỉnh Cà Mau.

- Ngoài ra, cơ quan soạn thảo cần cần nhắc đánh giá sự cần thiết việc bổ sung nội dung quy định về “điều khoản chuyển tiếp” để đảm bảo việc tổ chức thực hiện các quy định được thống nhất.

*** Đối với dự thảo Tờ trình**

- Tại Phần Mở đầu (sau “Kính gửi”): Đề nghị rà soát điều chỉnh cho phù hợp theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

- Tại Mục II: Đề nghị bổ sung, hoàn chỉnh đầy đủ quá trình xây dựng dự thảo Nghị quyết.

- Tại Mục IV: Đề nghị rà soát, hoàn chỉnh các nội dung theo từng đề mục đảm bảo phù hợp theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP. Đồng thời, nội dung trình bày có 02 Điều 6 đề nghị rà soát, điều chỉnh cho chính xác.

- Tại Mục VI: Đề nghị bổ sung nội dung “dự kiến trình thông qua” cho đầy đủ.

- Tại Phần kết: Đề nghị rà soát điều chỉnh cho phù hợp theo mẫu số 02 Phụ lục IV ban hành kèm theo Nghị định số 187/2025/NĐ-CP.

Trên cơ sở kết quả thẩm định, Sở Tư pháp nhận thấy dự thảo “Nghị quyết quy định cơ chế, chính sách tín dụng ưu đãi vốn đầu tư công ủy thác qua Chi nhánh Ngân hàng Chính sách xã hội tỉnh Cà Mau” chỉ đủ điều kiện trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định trình Hội đồng nhân dân tỉnh thông qua sau khi tiếp thu làm rõ một số nội dung, hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo nội dung được nêu tại Báo cáo thẩm định này.

Trên đây là ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp gửi Sở Tài chính nghiên cứu, hoàn chỉnh./.

Nơi nhận:

- Sở Tài chính;
- GD Sở;
- Phòng XDKT&TDTHPL(Tr);
- Lưu: VT, XDKT&TDTHPL, 01.

**KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**



Phạm Quốc Sử